

Triệu Sơn, ngày 20 tháng 11 năm 2019

**KẾ HOẠCH
Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025**

Thực hiện Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 10/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh và Văn bản số 6826/SKHĐT-TH ngày 28/10/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; UBND huyện Triệu Sơn xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. Tình hình huy động vốn đầu tư phát triển 5 năm 2016 - 2020

Tổng huy động vốn đầu tư phát triển 5 năm 2016 - 2020 ước đạt 9.681 tỷ đồng, bằng 121% kế hoạch; trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương: 654,9 tỷ đồng;
- Địa phương: 1.660,5 tỷ đồng.
- Vốn dân cư và các thành phần kinh tế khác: 7.365,6 tỷ đồng.

II. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020

1. Đánh giá về công tác chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020

Ngay sau khi HĐND, UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, UBND huyện đã triển khai đến các chủ đầu tư, nhà thầu để chủ động triển khai thực hiện dự án đảm bảo tiến độ, giải ngân 100% số vốn được giao hàng năm.

2. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020

2.1. Tổng số vốn được giao trong giai đoạn 2016 - 2019 là 437.159 triệu đồng, trong đó:

- Vốn cân đối NS tỉnh là 222.282 triệu đồng, được bố trí cho 17 dự án; kết quả giải ngân vốn hàng năm đạt 100% kế hoạch.

Trong giai đoạn 2016 - 2019 có: 16 dự án khởi công mới (11 dự án được giao vốn; 5 dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư, nhưng chưa được giao vốn); 14 dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng (11 dự án khởi công mới, 3 dự án chuyển tiếp).

- Vốn NS Trung ương là 202.607 triệu đồng, được bố trí cho 29 dự án, 4 xã và hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở; kết quả giải ngân vốn hàng năm đạt 100% kế hoạch; cụ thể:

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 14.057 triệu đồng, hỗ trợ cho 4 xã miền núi.

+ Chương trình MTQG xây dựng NTM: 47.100 triệu đồng, cho 24 dự án.

Trong giai đoạn 2016 - 2019 có: 21 dự án khởi công mới (19 dự án được giao vốn; 2 dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư, nhưng chưa được giao vốn); 19 dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng (14 dự án khởi công mới, 5 dự án chuyển tiếp).

+ Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng: 49.250 triệu đồng, cho 3 dự án.

- Vốn TPCP là 12.270 triệu đồng, cho 8 dự án.

Trong giai đoạn 2016 - 2019 có: 7 dự án khởi công mới; 6 dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

2.2. Dự kiến kế hoạch vốn năm 2020

- Vốn cân đối NS tỉnh: Dự kiến bố trí cho 35 dự án là 189.512 triệu đồng; trong đó:

+ Thanh toán khối lượng hoàn thành 17 dự án là 130.012 triệu đồng (trong đó có 5 dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư, nhưng chưa được giao vốn).

+ Bố trí vốn cho 18 dự án khởi công mới năm 2020 là 59.500 triệu đồng.

- Vốn NS Trung ương: Dự kiến bố trí cho 3 chương trình mục tiêu là 86.700 triệu đồng; trong đó:

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 4.500 triệu đồng, hỗ trợ cho 4 xã miền núi.

+ Chương trình MTQG xây dựng NTM là 22.200 triệu đồng, thanh toán khối lượng hoàn thành 8 dự án (trong đó có 2 dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư, nhưng chưa được giao vốn).

+ Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng là 60.000 triệu đồng, thanh toán khối lượng hoàn thành cho dự án: Tiêu thoát lũ sông Nhom.

- Vốn TPCP: Dự kiến bố trí thanh toán khối lượng hoàn thành 4 dự án là 3.334 triệu đồng.

(Chi tiết có các Biểu số 01, 02, 05, 06 kèm theo)

2.3. Số nợ đọng XD CB phát sinh trước ngày 01/01/2015 chưa được tổng hợp vào kế hoạch trung hạn và chưa được bố trí vốn là 127.319 triệu đồng, của 3 dự án (trong đó: Vốn NSTW: 126.859 triệu đồng, vốn NS tỉnh: 460 triệu đồng).

(Chi tiết có Biểu số 19 kèm theo)

2.4. Khó khăn, vướng mắc

Đến nay, huyện Triệu Sơn còn 5 công sở xã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3964/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 và 2 tuyến đường giao thông nội đồng tại Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 29/8/2019, nhưng chưa được giao vốn trong năm 2019.

2.5. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp cần triển khai trong thời gian tới để hoàn thành kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020

- Đề nghị UBND tỉnh bố trí đủ số vốn theo kế hoạch cho 5 công sở xã và 2 tuyến đường giao thông nội đồng nêu tại mục 2.4 trong năm 2020; đồng thời bố trí đủ số vốn còn thiếu cho các công trình theo kế hoạch năm 2020.

- Đề nghị UBND tỉnh xem xét bố trí vốn cho huyện để khởi công mới một số công trình trong năm 2020, nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới cho các xã trên địa bàn.

B. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Dự kiến nhu cầu, nguồn vốn: Nhu cầu vốn cho đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện là 965.240 triệu đồng; trong đó:

- Vốn NS Trung ương: 317.000 triệu đồng.

- Vốn cân đối NS tỉnh: 648.240 triệu đồng.

2. Nguyên tắc bố trí vốn: Vốn đầu tư được bố trí theo thứ tự ưu tiên sau:

- Bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng XDCB phát sinh trước ngày 01/01/2015.

- Bố trí đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch nhưng chưa có nguồn để hoàn trả trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

- Bố trí vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn.

- Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch.

- Dự án khởi công mới trong kỳ kế hoạch.

3. Dự kiến danh mục và bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cho từng dự án theo các nguồn vốn: Chi tiết có các Biểu số 14, 15, 17 kèm theo.

4. Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

Để hoàn thành kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; UBND huyện đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Tăng cường tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên bố trí vốn cho công tác bồi thường GPMB các dự án, vốn đối ứng cho các dự án được tỉnh, trung ương hỗ trợ đầu tư.

- Chỉ đạo các xã có hỗ trợ vốn thuộc chương trình xây dựng NTM của tỉnh, của trung ương tập trung hoàn thiện thủ tục chuẩn bị đầu tư để khởi công công trình theo quy định.

- Nâng cao trách nhiệm của các Chủ đầu tư, các Ban quản lý dự án trong quản lý vốn đầu tư, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thi công, tiến độ giải ngân vốn đầu tư XDCB, giải ngân 100% vốn kế hoạch hàng năm; đẩy nhanh tiến độ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, đối với các đơn vị không thực hiện quyết toán, chậm lập quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, UBND huyện sẽ có biện pháp cụ thể để xử lý theo quy định.

- Các Ban quản lý dự án, các chủ đầu tư cần đẩy nhanh công tác thanh quyết toán, tạm ứng, giải ngân khối lượng xây dựng cơ bản; thường xuyên rà soát tiến độ giải ngân vốn, những khó khăn vướng mắc trong quá trình giải ngân để kịp thời điều chuyển vốn của các dự án không có khả năng giải ngân cho các dự án có khối lượng hoàn thành nhưng chưa đủ vốn; không bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành nhưng không quyết toán theo quy định.

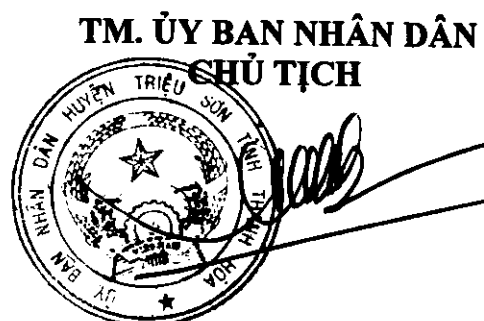
- Chủ đầu tư xây dựng công trình rà soát lựa chọn các tổ chức tư vấn có đủ tư cách pháp nhân, có năng lực thực sự phù hợp với quy mô công trình; giám sát, nghiệm thu kết quả khảo sát thực tế tại hiện trường; thường xuyên theo dõi giám sát thi công tại hiện trường đảm bảo việc thi công đúng khối lượng, chất lượng theo thiết kế được duyệt, sử dụng các loại vật tư vật liệu theo đúng chỉ định của thiết kế; có chế tài xử lý về kinh tế và pháp luật nếu đơn vị tư vấn giám sát thực hiện không đúng hợp đồng kinh tế đã ký hoặc thông đồng với nhà thầu thi công thi công không đúng với thiết kế được duyệt.

- Các phòng, ban chức năng ở huyện phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công các công trình để kịp thời chấn chỉnh và hướng dẫn các chủ đầu tư trong công tác quản lý đầu tư xây dựng.

Trên đây là kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của huyện Triệu Sơn; kính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xem xét, bố trí vốn cho các dự án theo đề xuất của UBND huyện. /*Q*

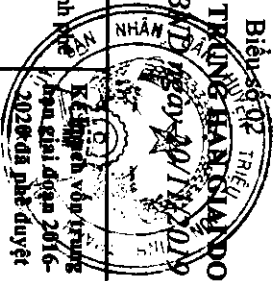
Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch - ĐT (b/cáo);
- Sở Tài chính (b/cáo);
- Lưu: VT, TCKH.



Vũ Đức Kính

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRƯNG BÀN SIÊU ĐOÀN 2016-2020 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH
 (Kèm theo Kế hoạch số 375 /KH-UBND ngày 20/11/2019 của UBND huyện Triệu Sơn)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)		Thực hiện giai đoạn 2016 - 2019		Dự kiến kế hoạch năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú (đánh giá tiến độ thực hiện DA)							
						Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Kế hoạch vốn trong hạn giải ngân 2016-2019 đã phê duyệt	Kế hoạch vốn thực hiện giai đoạn 2016-2019				Kế hoạch vốn trung hạn đã giao chi tiết đến năm 2019	Ước KL thực hiện đến hết năm 2019	Ước giải ngân đến hết thời gian theo quy định				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
TỔNG SỐ																			
I	Vốn đầu tư trong các đối NS tính theo tiêu chí						649.382	557.904	264.929	264.929	222.282	222.282	501.487	222.282	222.282	189.512			
1	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2016 sang giải ngân 2016-2020						216.044	174.803	40.929	40.929	45.902	45.902	216.044	45.902	45.902	460			
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2016						21.943	7.961	2.860	2.860	2.400	2.400	21.943	2.400	2.400	460			
-	Sửa chữa, nâng cấp hồ Hương Sơn xã Văn Sơn						3395/QĐ-UBND ngày 16/10/2012	15.582	2.000	1.000	1.000	1.000	15.582	1.000	1.000		UBND huyện		
-	Nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện						3475/QĐ-UBND ngày 30/9/2016	4.050	3.650	1.400	1.400	1.400	4.050	1.400	1.400		Huyện ủy	Đã quyết toán	
-	Sửa chữa, nâng cấp hồ Đông Ngồn xã Hợp Thành						4047/QĐ-UBND ngày 28/12/2005; 1265/QĐ-UBND ngày 4/5/2007	2.311	2.311	460	460		2.311			460	UBND huyện		
b	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020							194.101	166.842	38.069	38.069	43.502	43.502	194.101	43.502	43.502	0		
-	Nâng cấp đường giao thông Thọ Bình - Bình Sơn						4149/QĐ-UBND ngày 29/11/2017	32.843	10.269	10.269	10.269	10.269	32.843	10.269	10.269		UBND huyện		
-	Đường từ ngã 3 thôn 8 đi An Tiến, xã Tân Ninh						4141/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	92.995	92.995	9.000	9.000	9.000	92.995	9.000	9.000		UBND huyện	Đã quyết toán	
-	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông vào nhà máy Ferocrom Nam Việt, xã Văn Sơn						4587/QĐ-UBND ngày 29/11/2018	38.667	34.576	9.300	9.300	9.331	38.667	9.331	9.331		UBND huyện		

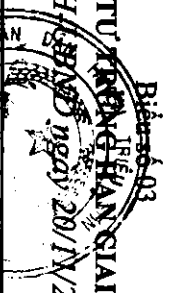
TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Ngày lập thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã phê duyệt		Thực hiện giai đoạn 2016 - 2019						Dự kiến kế hoạch năm 2020	Chủ đầu tư	Chi chú (đánh giá tiến độ thực hiện DA)	
						Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT (hoặc giá trị QĐT)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tỉnh	Kế hoạch vốn trung hạn đã giao chi tiết đến năm 2019	Thực hiện đến hết năm 2019	Ước giải ngân đến hết thời gian theo quy định	Trong đó: Vốn NS tỉnh						
-	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc UBND-UBND huyện				2014-2016	4146/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	29.596	29.002	9.500	9.500	14.902	14.902	29.596	14.902	14.902		UBND huyện	Đã quyết toán	
c	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025																		
2	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020						433.338	383.101	224.000	224.000	176.380	176.380	285.443	176.380	176.380	189.052			
a	Nâng cấp, cải tạo đường từ TL 514 (xã Minh Dân) đi TL 517 (xã Đông Lợi)				2016-2018	4322/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	79.960	77.639	66.000	66.000	62.000	62.000	79.960	62.000	62.000	17.960	UBND huyện	Đã hoàn thành; chưa quyết toán	
-	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng, đoạn từ xã Dân Lý đến xã Đông Thăng				2016-2019	2901/QĐ-UBND ngày 03/8/2016	53.972	53.972	46.000	46.000	37.780	37.780	53.972	37.780	37.780	16.192	UBND huyện		
-	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 514 đoạn từ Cầu Thiệu xã Dân Lý đi Cầu Nhôm xã Minh Sơn				2017-2021	5063/QĐ-UBND ngày 27/12/2017	134.990	134.990	55.000	55.000	55.000	55.000	67.495	55.000	55.000	60.000	UBND huyện	Đã đang thực hiện	
-	Công sở xã Nông Trường				2017-2019	2909/QĐ-UBND ngày 09/8/2017	6.388	4.300	4.300	4.300	3.400	3.400	6.388	3.400	3.400	900	UBND xã N.Trường		
-	Công sở xã Dân Lực				2017-2019		6.228	4.700	4.700	4.700	3.700	3.700	6.228	3.700	3.700	1.000	UBND xã Dân Lực		
-	Công sở xã Tiến Nông				2018-2019		7.800	4.300	4.300	4.300	2.350	2.350	7.800	2.350	2.350	1.950	UBND xã Tiến Nông		
-	Công sở xã Hợp Thắng				2018-2019		6.000	4.300	4.300	4.300	2.350	2.350	6.000	2.350	2.350	1.950	UBND xã Hợp Thắng		
-	Công sở xã Dân Quyền				2018-2019	1284/QĐ-UBND ngày 12/4/2018	6.300	5.000	5.000	5.000	2.750	2.750	6.300	2.750	2.750	2.250	UBND xã Dân Quyền	Đã hoàn thành; chưa quyết toán	
-	Công sở xã Khuyến Nông				2018-2019		6.000	4.300	4.300	4.300	2.350	2.350	6.000	2.350	2.350	1.950	UBND xã K.Nông		
-	Công sở xã Thọ Dân				2018-2019		10.000	4.300	4.300	4.300	2.350	2.350	10.000	2.350	2.350	1.950	UBND xã Thọ Dân		
-	Công sở xã Triệu Thành				2018-2019		6.300	4.300	4.300	4.300	2.350	2.350	6.300	2.350	2.350	1.950	UBND xã T.Thành		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Năm lập kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã phê duyệt		Thực hiện giai đoạn 2016 - 2019				Dự kiến kế hoạch năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú (đánh giá tiến độ thực hiện DA)
						Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT (hoặc giá trị QĐT)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tỉnh	Kế hoạch vốn trung hạn đã giao chi tiết đến năm 2019	Ước KL thực hiện đến hết năm 2019	Ước giải ngân đến hết thời gian theo quy định	Trong đó: Vốn NS tỉnh			
-	Công sở xã Hợp Lý				2019-2020		7.900	4.300	4.300	4.300	6.500		4.300	UBND xã Hợp Lý		
-	Công sở xã Thọ Tân				2019-2020		6.500	4.300	4.300	4.000			4.300	UBND xã Thọ Tân		
-	Công sở xã Thọ Cường				2019-2020	3964/QĐ-UBND ngày 12/10/2018	7.000	4.300	4.300	6.500			4.300	UBND xã Thọ Cường	Đã đang thực hiện	
-	Công sở xã Thọ Sơn				2019-2020		6.500	4.300	4.300	6.000			4.300	UBND xã Thọ Sơn		
-	Công sở xã Xuân Lạc				2019-2020		7.000	4.300	4.300	6.000			4.300	UBND xã Xuân Lạc		
-	Nhà hội trường xã Hợp Lý				2020-2020		4.500	2.200					2.200	UBND xã Hợp Lý		
-	Đường nội đồng từ cầu Đan Tiên đến hồ Rô 2, xã Thọ Tiên				2020-2020		3.500	2.000					2.000	UBND xã Thọ Tiên		
-	Kênh mương đoạn khu Tru, Như đi đồng tranh, cây vối, xã Xuân Thịnh				2020-2020		3.500	2.000					2.000	UBND xã Xuân Thịnh		
-	Đường giao thông từ thôn Bình Định đi thôn Thu Phong, xã Triệu Thành				2020-2020		5.000	4.000					4.000	UBND xã Triệu Thành		
-	Đường giao thông từ Trạm y tế (Thôn 4) đi đập Đông Gạo (Thôn 6), xã Thọ Bình				2020-2020		5.000	4.000					4.000	UBND xã Thọ Bình		
-	Đường giao thông từ UBND xã Hợp Thắng đi Xuân Dư, huyện Như Thanh				2020-2020		5.500	5.000					5.000	UBND xã Hợp Thắng		
-	Hệ thống mương thoát nước thải khu dân cư và khu sản xuất tập trung xã Tiến Nông				2020-2020		4.000	3.000					3.000	UBND xã Tiến Nông		
-	Đường giao thông từ thôn 2 xã Thọ Phú đi xã Thọ Thề				2020-2020		2.400	2.000					2.000	UBND xã Thọ Phú		
-	Đường giao thông nông thôn xã Xuân Thịnh				2020-2020		3.500	3.000					3.000	UBND xã X. Thịnh		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã phê duyệt				Thực hiện giai đoạn 2016 - 2019				Dự kiến kế hoạch năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú (đánh giá tiến độ thực hiện DA)
						Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT (hoặc giá trị QT)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tỉnh	Ước KL thực hiện đến hết năm 2019	Ước giải ngân đến hết thời gian theo quy định	Trong đó: Vốn NS tỉnh					
-	Đường giao thông và rãnh thoát nước xã Đông Lợi				2020 - 2020		2.000	2.000									2.000	UBND xã Đ. Lợi		
-	Đường giao thông nông thôn xã Văn Sơn				2020 - 2020		3.300	3.000									3.000	UBND xã Văn Sơn		
-	Đường giao thông nông thôn xã Thọ Ngọc				2020 - 2020		2.500	2.500									2.500	UBND xã Thọ Ngọc		
-	Đường giao thông thôn Đông Tranh xã Bình Sơn				2020 - 2020		5.500	5.000									5.000	UBND xã Bình Sơn		
-	Đường giao thông thôn thôn xã Tiến Nông đi Nông Trường				2020 - 2020		5.000	4.500									4.500	UBND xã Tiến Nông		
-	Đường từ Sim đi thôn Lai Chiếu, Tỉnh lộ 506 xã Hợp Thành				2020 - 2020		7.000	5.000									5.000	UBND xã Hợp Thành		
-	Kênh N13B và N215 xã Tiến Nông				2020 - 2020		3.000	2.500									2.500	UBND xã Tiến Nông		
-	Đường giao thông nội đồng vùng lúa sản xuất của HTX DV NN Xuân Lộc				2020 - 2020		4.800	3.800									3.800	UBND xã Xuân Lộc		
-	Kênh tiêu tiền thôn từ Quốc lộ 47C đi qua khu dân cư các thôn 3, 4, 5, 6, 7 xã Thọ Vực				2020 - 2020		4.500	4.000									4.000	UBND xã Thọ Vực		
b	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025																			
3	Dự án chuẩn bị đầu tư																			
II	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất																			
III	Vốn đầu tư từ nguồn số kiến thiết																			

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH GIẢI ĐOÀN 2016-2020 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN

(Kèm theo Kế hoạch số 505 /KH-UBND ngày 28/11/2019 của UBND huyện Triệu Sơn)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian K-C-H-T	Quyết định đầu tư (hoặc quy hoạch phê duyệt quyết toán)		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã phê duyệt	Thực hiện giai đoạn 2016 - 2019						Dự kiến kế hoạch năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú (đánh giá tiến độ thực hiện DA)	
						Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	TMDT (hoặc giá trị QT)		Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn	Tổng số	Trong đó: Nguồn vốn	Kế hoạch vốn chi tiết đến năm 2019	Ước KL thực hiện đến hết năm 2019				Ước giải ngân đến hết thời gian theo quy định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
TỔNG SỐ																		
1	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2016 sang giai đoạn 2016-2020						297.680	52.277		42.106		27.547	175.537		29.747	15.622		
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2016																	
b	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020																	
c	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong GD 2021-2025																	
2	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020						297.680	52.277	0	42.106	0	27.547	175.537	0	29.747	15.622		
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong GD 2016-2020						182.680	29.277		32.106		27.547	175.537		29.747	5.622		
-	Nâng cấp, cải tạo đường từ TL 514 (Xã Minh Dân) đi TL 517 (Xã Đông Lợi)						4322/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	79.960		4.597		4.597	79.960		4.597		UBND huyện	Đã hoàn thành; chưa quyết toán

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã phê duyệt		Thực hiện giai đoạn 2016 - 2019				Dự kiến kế hoạch năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú (đánh giá tiến độ thực hiện DA)
						Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	TMDT (hoặc giá trị QT)	Tổng số các nguồn vốn	Vốn NS huyện	Kế hoạch vốn trung hạn đã giao chi tiết đến năm 2019	Ước KL thực hiện đến hết năm 2019	Ước giải ngân đến hết thời gian theo quy định	Vốn NS huyện			
-	Xử lý sạt lở bờ tả, bờ hữu sông Hoàng xã Xuân Thịnh và bờ hữu sông Hoàng xã Dân Lực				2019-2019	7579/QĐ-UBND ngày 20/11/2018	8.543	1.543	1.000	1.000	8.543	1.000	543	UBND huyện		
-	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng đoạn qua xã Đông Thăng, Đông Lợi và đê tả sông Hoàng đoạn qua xã Đông Tiến, Đông Thăng				2018-2019	7578/QĐ-UBND ngày 20/11/2018	10.709	5.209	3.000	3.000	10.709	3.000	2.209	UBND huyện	DA hoàn thành; chưa quyết toán	
-	Trương Mắm non xã Bình Sơn				2017-2018	6352/QĐ-UBND ngày 08/11/2017	6.811	2.011	1.500	870	6.811	870	1.141	UBND huyện		
-	Trương Mắm non xã Thọ Bình				2017-2019	6353/QĐ-UBND ngày 08/11/2017	4.705	705	700		4.705	700		UBND huyện		
-	Sửa chữa, nâng cấp hệ Đêng Lầy, xã Hợp Tiến				2018-2019		9.043		1.500		9.043	1.500				
-	Trạm bơm tiêu Đông Khê, xã Dân Quyền				2016-2019	929/QĐ-UBND ngày 28/2/2019	53.980	18.080	18.080	18.080	53.980	18.080		UBND huyện		
-	Xử lý khẩn cấp sạt lở mái đê tả sông Nhom đoạn qua xã Thái Hòa				2019-2020	8493/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	8.929	1.729	1.729		1.786		1.729	UBND huyện	DA đang thực hiện	
-	<i>b Dự án chuyển tiếp sang GD 2021-2025</i>						115.000	23.000	10.000				10.000			
-	Xây dựng mới một số hạng mục Bệnh viện đa khoa Triệu Sơn				2019-2022	213/NQ-HĐND ngày 16/10/2019	115.000	23.000	10.000				10.000	UBND huyện	DA đang thực hiện	
3	Dự án chuẩn bị đầu tư															

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)

(Kèm theo Kế hoạch số 359/



UBND Huyện Triệu Sơn ngày 20/11/2019 của UBND huyện Triệu Sơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

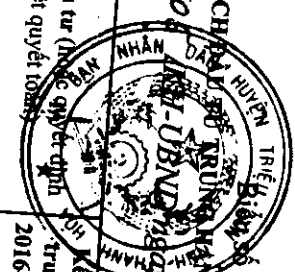
TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)		Kế hoạch vốn Trung hạn GD 2016-2020 đã phê duyệt		Thực hiện giai đoạn 2016 - 2019				Dự kiến kế hoạch năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú (đánh giá tiến độ thực hiện DA)			
						Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	TMDT (hoặc giá trị QT)	Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Kế hoạch vốn trung hạn đã giao chi tiết đến năm 2019	Ước KL thực hiện đến hết năm 2019				Ước giải ngân đến hết thời gian theo quy định		
1	TỔNG SỐ	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
VON NSTW ĐẦU TƯ							445.446	510.026	224.389	224.389	49.250	202.607	334.386	49.250	202.607	86.700			
THEO CÁC CHUONG TRÌNH MUC TIÊU							445.446	417.826	132.189	132.189	49.250	110.407	334.386	49.250	110.407	86.700			
1	Chương trình phát triển KT-XH các vùng						341.519	334.469	48.832	48.832	49.250	49.250	256.559	49.250	49.250	60.000			
1	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2016 sang giai đoạn 2016-2020						341.519	334.469	48.832	48.832	49.250	49.250	256.559	49.250	49.250	60.000			
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2016						40.411	36.411	13.932	13.932	13.932	13.932	40.411	13.932	13.932	0			
	Cải tạo, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ Khê Lùng xã Thọ Bình và liên hồ Ngọc Vành - Bình Định xã Triệu Thành						3829/QĐ-UBND ngày 30/10/2013	40.411	36.411	13.932	13.932	13.932	40.411	13.932	13.932				
b	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020							32.843	29.793	15.000	15.000	15.418	15.418	32.843	15.418	15.418	0		
	Nâng cấp đường giao thông Thọ Bình - Bình Sơn						3163/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	32.843	29.793	15.000	15.000	15.418	15.418	32.843	15.418	15.418			

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)		Kế hoạch vốn trung hạn GP 2016-2020 đã phê duyệt		Thực hiện giai đoạn 2016 - 2019				Dự kiến kế hoạch năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú (đánh giá tiến độ thực hiện DA)		
						Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	TMBT (hoặc giá trị QT)	Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW	Kế hoạch vốn trung hạn đã giao chi tiết đến năm 2019	Ước KL hết năm 2019 thực	Ước giải ngân đến hết thời gian theo quy định						
c	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong GB 2021-2025						3365/QĐ-UBND ngày 13/10/2011	268.265	268.265	19.900	19.900	19.900	183.305	19.900	19.900	60.000	UBND huyện	Vốn đã giao đến hết năm 2015 là 37 tỷ đồng. DA dừng thi công năm 2015
-	Tiêu thoát lũ sông Nhom				KC năm 2012			268.265	268.265	19.900	19.900	19.900	183.305	19.900	19.900	60.000	UBND huyện	Vốn đã giao đến hết năm 2015 là 37 tỷ đồng. DA dừng thi công năm 2015
2	Dự án khởi công mới GB 2016-2020																	
3	Dự án chuẩn bị đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia XD nông thôn mới																	
II	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2016 sang giải đoạn 2016-2020							103.927	69.300	69.300	69.300	47.100	77.827	47.100	22.200			
1	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2016							22.157	13.000	13.000	13.000	13.000	22.157	13.000	0			
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2016																	
b	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giải đoạn 2016-2020							22.157	13.000	13.000	13.000	13.000	22.157	13.000	0			
-	Công sở xã Đông Lợi				2015-2016			5.763	2.400	2.400	2.400	5.763	2.400	2.400		UBND xã Đông Lợi	Đã quyết toán	
-	Trung tâm VH xã Minh Sơn				2015-2016			4.016	3.500	3.500	3.500	4.016	3.500	3.500		UBND xã Minh Sơn	Đã quyết toán	
-	Công sở xã Thái Hoà				2015-2016			4.177	1.800	1.800	1.800	4.177	1.800	1.800		UBND xã Thái Hoà	Đã hoàn thành, chưa quyết toán	
-	Công sở xã Thọ Vực				2015-2016			4.841	3.500	3.500	3.500	4.841	3.500	3.500		UBND xã Thọ Vực	Đã hoàn thành, chưa quyết toán	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Năm lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)				Kế hoạch vốn trung hạn GPĐ 2016-2020 đã phê duyệt				Thực hiện giai đoạn 2016 - 2019				Dự kiến kế hoạch năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú (đánh giá tiến độ thực hiện DA)
						Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (hoặc giá trị QT)		Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW	Kế hoạch vốn trung hạn đã giao chi tiết đến năm 2019	Ước KL thực hiện đến hết năm 2019	Ước giải ngân đến hết thời gian theo quy định	Trong đó: Vốn NSTW	Dự kiến kế hoạch năm 2020					
-	Nhà hội trường xã Đông Thăng				2015-2016		3.360	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	3.360	1.800	1.800	UBND xã Đông Thăng	ĐA hoàn thành, chưa quyết toán		
c	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025																			
2	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020						81.770	56.300	56.300	56.300	0	34.100	55.670	0	34.100	22.200				
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020						81.770	56.300	56.300	56.300	34.100	55.670	34.100	22.200						Đã quyết toán
-	Đường GT xã Thọ Phú				2017-2017		3.500	1.300	1.300	1.300	1.300	3.500	1.300	1.300			UBND xã Thọ Phú			
-	Đường GT xã Hợp Lý				2017-2017		2.450	1.800	1.800	1.800	1.800	2.450	1.800	1.800			UBND xã Hợp Lý			
-	Trung tâm VH xã Đông Tiến				2016-2017		4.679	2.500	2.500	2.500	2.500	4.679	2.500	2.500			UBND xã Đông Tiến			
-	Trạm Y tế xã Thọ Bình				2017-2018		2.500	2.200	2.200	2.200	2.200	2.500	2.200	2.200			UBND xã Thọ Bình			
-	Hội trường xã An Nông				2017-2017		3.900	2.300	2.300	2.300	2.300	3.900	2.300	2.300			UBND xã An Nông			
-	Xây dựng mới trụ sở xã Thọ Ngọc				2016-2017		4.793	2.000	2.000	2.000	2.000	4.793	2.000	2.000			UBND xã Thọ Ngọc			
-	Xây dựng mới trụ sở xã Tân Ninh				2016-2017		5.194	2.000	2.000	2.000	2.000	5.194	2.000	2.000			UBND xã Tân Ninh			
-	Xây dựng mới nhà hội trường xã Xuân Thọ				2016-2017		4.897	2.000	2.000	2.000	2.000	4.897	2.000	2.000			UBND xã Xuân Thọ	ĐA hoàn thành, chưa quyết toán		
-	Xây dựng mới nhà hội trường xã Khuyến Nông				2017-2018		4.700	2.300	2.300	2.300	2.300	4.700	2.300	2.300			UBND xã Khuyến Nông			
-	Trường M Non Thọ Thế				2018-2018		3.200	1.800	1.800	1.800	1.800	3.200	1.800	1.800			UBND xã Thọ Thế			

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Năm lập kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)		Kế hoạch vốn trung hạn GD 2016-2020 đã phê duyệt		Thực hiện giai đoạn 2016 - 2019				Dự kiến kế hoạch năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú (danh giá tiến độ thực hiện DA)	
					Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	TMDT (hoặc giá trị QT)	Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW	Kế hoạch vốn trung hạn đã giao chi tiết đến năm 2019	Ước KL thực hiện đến hết năm 2019	Ước giải ngân đến hết thời gian theo quy định					
						Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số hạn đã giao chi tiết đến năm 2019	Trong đó: Vốn NSTW	Hiện đến hết năm 2019	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		
-	Trường M Non Dân Lạc			2018-2018		3.200	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	3.200		1.800	UBND xã Dân Lạc	
-	Trường THCS Thọ Cường			2017-2018		2.200	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	2.200		1.800	UBND xã Thọ Cường	DA hoàn thành, chưa quyết toán
-	Đường giao thông nông thôn xã Thọ Bình			2018-2018		3.657	3.500	3.500	3.500	2.100	2.100	3.657		2.100	UBND xã Thọ Bình	
-	Đường giao thông xã Thọ Sơn			2017-2018		2.100	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	2.100		1.800	UBND xã Thọ Sơn	
-	Đường giao thông nông thôn xã Bình Sơn			2018-2019		4.100	4.000	4.000	4.000	2.400	2.400	3.700		2.400	UBND xã Bình Sơn	
-	Đường giao thông xã Thái Hòa			2019-2020		4.000	3.100	3.100	3.100	1.000	1.000	250		1.000	UBND xã Thái Hòa	
-	Đường giao thông xã Triệu Thành			2019-2020		4.500	4.400	4.400	4.400	1.000	1.000	250		1.000	UBND xã T. Thành	
-	Đường giao thông xã Bình Sơn			2019-2020		5.500	5.400	5.400	5.400	1.000	1.000	250		1.000	UBND Bình Sơn	DA đang thực hiện
-	Đường giao thông xã Thọ Bình			2019-2020		4.500	3.900	3.900	3.900	1.000	1.000	250		1.000	UBND xã Thọ Bình	
-	Đường giao thông nội đồng xã Đông Tiến			2019-2020		4.800	3.700	3.700	3.700						UBND xã Đông Tiến	
-	Đường giao thông nội đồng xã Thọ Phú			2019-2020		3.400	2.700	2.700	2.700						UBND xã Thọ Phú	
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong GB 2021-2025</i>															
3	Dự án chuẩn bị đầu tư															
III	Chương trình 135															
B	HỘ TRƯỞNG ƯỚC CÓ CỘNG VỚI CÁCH MẠNG VỀ NHÀ Ở					2066/QĐ-UBND ngày 4/6/2018	14.057	14.057	14.057	14.057	14.057			14.057		4.500

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ ĐẦU TƯ CÔNG (Kèm theo Kế hoạch số 350/KH-UBND ngày 20/11/2019 của UBND huyện Triệu Sơn)



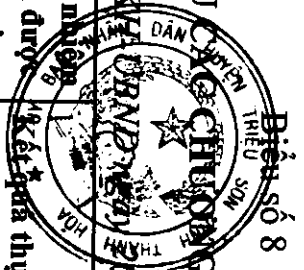
TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Năm dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư (Độc quyết định phê duyệt quyết toán)		Kế hoạch vốn Trung hạn GD 2016-2020 đã phê duyệt		Thực hiện giai đoạn 2016 - 2019						Dự kiến kế hoạch năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú (đánh giá tiến độ thực hiện DA)
							TMBT (hoặc giá trị QT)	Tổng số	Trong đó: Vốn TPCP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn TPCP	Kế hoạch vốn trung hạn đã giao chi tiết đến năm 2019	Ước KL thực hiện đến hết năm 2019	Ước giải ngân đến hết thời gian theo quy định	Trong đó: Vốn TPCP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
TỔNG SỐ																			
1	Chương trình mục tiêu quốc gia XID nông thôn mới						36.218	18.104	14.270	14.270	12.270	12.270	34.232	12.270	12.270	3.334			
1	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2016 sang giai đoạn 2016-2020						24.702	9.304	6.350	6.350	4.350	4.350	23.669	4.350	4.350	2.454			
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2016						3.224	2.954	0	0	0	0	3.224	0	0	454			
	Công sở xã Thọ Bình					2014 - 2015	1045/QĐ-UBND ngày 14/4/2014	3.224	2.954	0	0	0	3.224	0	0	454	UBND xã Thọ Bình	Vốn TPCP giao đến hết năm 2015 là 2,5 tỷ; DA hoàn thành, chưa quyết toán	
b	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020																		
c	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025																		

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)		Kế hoạch vốn trung hạn GD 2016-2020 đã phê duyệt		Thực hiện giai đoạn 2016 - 2019				Dự kiến kế hoạch năm 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú (đánh giá tiến độ thực hiện DA)
						Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	TMDT (hoặc giá trị QT)	Tổng số	Trong đó: TP.V	Kế hoạch vốn trung hạn đã giao chi tiết đến năm 2019	Ước KL thực hiện đến hết năm 2019	Ước giải ngân đến hết thời gian theo quy định				
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong GD 2016-2020						11.516	8.800	7.920	7.920	10.563	7.920	7.920	880		
-	Trường Mầm non xã Bình Sơn				2017-2018	898/QĐ-UBND ngày 28/3/2017	6.811	4.800	4.320	4.320	5.894	4.320	4.320	480	UBND huyện	DA hoàn thành, chưa quyết toán
-	Trường Mầm non xã Thọ Bình				2017-2019		4.705	4.000	3.600	3.600	4.669	3.600	3.600	400	UBND huyện	
b	Dự án chuyển tiếp sang GD 2010-2025															
3	Dự án chuẩn bị đầu tư															

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Kế hoạch số 3505 /KH-UBND ngày 20/11/2019 của UBND huyện Triệu Sơn)

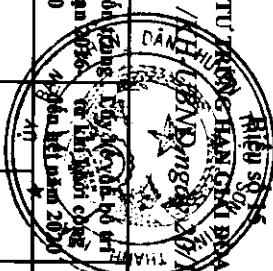


TT	Chương trình	Đơn vị tính	Kế hoạch mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền giao		Hiện thực hiện giai đoạn 2016-2020	Trong đó: Chia theo các năm					Dự kiến kế hoạch 2020	Ghi chú	
			Thủ tướng chính phủ	Hội đồng nhân dân tỉnh		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019				
I	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững												
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm	%				2,75	3,3	2,85	3,2	1,7			
II	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới												
I	Xã đạt chuẩn NTM												
-	Số xã đạt chuẩn NTM				29	9	11	14	22	29			
-	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn NTM				90,6	25,7	31,4	40,0	68,8	90,6			
2	Bình quân tiêu chí đạt được trên 01 đơn vị xã				18,2	14,3	15,2	15,94	17,8	18,2			

CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỔNG THÂN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Kế hoạch số 35/K

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn (tổng hạn giải ngân 2020)		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2020		Giải đoạn 2021 - 2025					Dự kiến kế hoạch 5 năm giải đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Chi trả (đánh giá tiến độ thực hiện DA)				
						TMBĐT (hoặc giá trị QT)	Tổng số	Trong đó: Vốn NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tỉnh				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
1	TỔNG SỐ					977.990	763.240	55.000	55.000	115.000	115.000	115.000	115.000	788.240	648.240	788.240	648.240	788.240	648.240				
1	Vốn cần đổi NS tỉnh theo tiêu chí					977.990	763.240	55.000	55.000	115.000	115.000	115.000	115.000	788.240	648.240	788.240	648.240	788.240	648.240				
1	Dự án chuyển tiếp từ giải đoạn 2016-2020 sang giải đoạn 2021-2025					249.990	175.240	55.000	55.000	115.000	115.000	115.000	115.000	60.240	60.240	60.240	60.240	60.240	60.240				
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020					134.990	134.990	55.000	55.000	115.000	115.000	115.000	115.000	19.990	19.990	19.990	19.990	19.990	19.990				
-	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 514 đoạn từ Cầu Thiều xã Dân Lý đi Cầu Nhom xã Minh Sơn			2017-2021	5063/QĐ-UBND ngày 27/12/2017	134.990	134.990	55.000	55.000	115.000	115.000	115.000	115.000	19.990	19.990	19.990	19.990	19.990	19.990			UBND huyện	
b	Dự án chuyển tiếp sang giải đoạn 2021-2025					115.000	40.250							40.250	40.250	40.250	40.250	40.250	40.250				
*	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giải đoạn 2021-2025					115.000	40.250							40.250	40.250	40.250	40.250	40.250	40.250				
-	Xây dựng mới một số hạng mục Bệnh viện Đa khoa Triệu Sơn			2019-2022	213/NQ-HĐND ngày 16/10/2019	115.000	40.250							40.250	40.250	40.250	40.250	40.250	40.250			UBND huyện	
*	Dự án giảm hoàn thiện độ thi công và chuyển đổi hình thức đầu tư trong giải đoạn 2021-2025																						

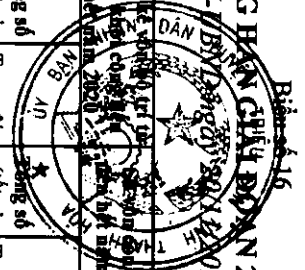


TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020		Lấy kế vốn bố trí từ khi khởi công đến hết năm 2020		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2020		Giai đoạn 2021 - 2025				Chủ đầu tư	Ghi chú (đánh giá thực hiện DA)		
					Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	TMDT (hoặc giá trị QT)	Tổng số	Trong đó: Vốn NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tỉnh	Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn 2021 - 2025				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025	
-	Trạm bơm tiêu Đông Quai, xã Thọ Tân, huyện Triều Sơn					35.000	30.000					35.000	30.000							UBND huyện
-	Hệ thống trạm bơm tưới xã Văn Sơn, huyện Triều Sơn					25.000	20.000					25.000	20.000							UBND huyện
-	Sửa chữa, nâng cấp hồ Nấp Mới - Nông Dân, xã Triều Thành					15.000	13.000					15.000	13.000							UBND huyện
-	Sửa chữa, nâng cấp hồ Hương Sơn, xã Văn Sơn.					20.000	15.000					20.000	15.000							UBND huyện
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025</i>																			
II	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất																			
III	Vốn đầu tư từ nguồn xã số kiến thiết																			

CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIỮ ĐÓN N 2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN

(Kèm theo Kế hoạch số 35/05 /KH-UBND ngày 10/01/2019 của UBND huyện Triệu Sơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng



TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Thời gian KC HT	Số QB ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trung hạn GD 2016-2020	Lấy kế hoạch đầu tư dự án khi lập công tác kế hoạch năm 2020	Số tiền (tỷ đồng)	Giai đoạn 2021 - 2025		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú (đánh giá thực hiện DA)								
						TMDT (hoặc giá trị OT)	Trong đó: Vốn NS huyện				Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Trong đó: Vốn NS huyện											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TỔNG SỐ					793.000	148.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	138.000		138.000				138.000				
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					115.000	23.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	13.000		13.000				13.000				
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020																						
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					115.000	23.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	13.000		13.000				13.000				
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025																						
	Xây dựng mới một số hạng mục Bệnh viện đa khoa Triệu Sơn					115.000	23.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	13.000		13.000				13.000				UBND huyện
*	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025																						
(1)	Dự án gián đoạn tiến độ thi công đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý																						
(2)	Dự án chuyển đổi hình thức đầu tư																						
2	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025																						
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong GD 2021-2025																						
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong GD 2021-2025					678.000	125.000						125.000		125.000				125.000				

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Thời gian KC HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn Trung hạn GB 2016-2020	Lấy kế vốn bố trí tại khi khởi công đến hết năm 2020	Số vốn còn thiếu đến hết năm 2020	Giai đoạn 2021 - 2025				Chủ đầu tư	Ghi chú (đánh giá thực hiện DA)		
					Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	TMBT (hoặc giá trị OT)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: Vốn huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS huyện	Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn 2021 - 2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025	
						Tổng số	Trong đó: Vốn NS huyện								Tổng số				Tổng số
-	Xây mới trụ sở làm việc Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể huyện Triệu Sơn				30.000	5.000					5.000					UBND huyện			
-	Xây dựng mới Trung tâm v.v.ê huyện				40.000	10.000					10.000					UBND huyện			
-	Nhà thi đấu đa năng huyện Triệu Sơn				60.000	10.000					10.000					UBND huyện			
-	Đường kết nối Quốc lộ 47C với đường từ CHK Thọ Xuân đi KKT Núi Sạn				298.000	58.000					58.000					UBND huyện			
-	Nâng cấp đường huyện từ xã Thọ Dân đi xã Thọ Cường -				60.000	10.000					10.000					UBND huyện			
-	Nâng cấp, mở rộng các cầu yếu trên tuyến Tỉnh lộ 514,				55.000	10.000					10.000					UBND huyện			
-	Trạm bơm tiêu Đông Quai, xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn				40.000	5.000					5.000					UBND huyện			
-	Hệ thống trạm bơm tưới xã Văn Sơn, huyện Triệu Sơn				35.000	5.000					5.000					UBND huyện			
-	Sửa chữa, nâng cấp hồ Nấp Mới - Nông dân, xã Triệu Thành				25.000	5.000					5.000					UBND huyện			
-	Sửa chữa, nâng cấp hồ Hương Sơn, xã Văn Sơn;				15.000	2.000					2.000					UBND huyện			
-	Sửa chữa, nâng cấp hồ Hương Sơn, xã Văn Sơn;				20.000	5.000					5.000					UBND huyện			
b	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025																		

CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG ƯƠNG NĂM 2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Kế hoạch số 350/KH-UBND ngày 20/11/2019 của UBND huyện Triệu Sơn)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Số OD ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (hoặc giá trị OT)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Số vốn còn thiếu đến hết năm 2020	Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn 2021 - 2025		Giai đoạn 2021 - 2025		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú (đánh giá thực hiện DA)					
					Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW								
1	TỔNG SỐ	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
A	Vốn TW bổ sung có mục tiêu					617.365	538.765	19.900	19.900	56.900	415.505	356.905	375.600	317.000			66.405	375.600	317.000			66.405		
I	Ngành nông nghiệp					568.265	518.265	19.900	19.900	56.900	366.405	316.405	300.000	250.000			66.405	300.000	250.000			66.405		
1	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2016 sang giai đoạn 2016-2020					268.265	268.265	19.900	19.900	56.900	66.405	66.405					66.405					66.405		
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020																							
b	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					268.265	268.265	19.900	19.900	56.900	66.405	66.405					66.405					66.405		
*	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025																							
*	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025																							
*	Dự án giảm hoàn tiền độ thi công và chuyển đổi hình thức đầu tư trong giai đoạn 2021-2025																							
(1)	Dự án giảm hoàn tiền độ thi công đến điểm dừng kỳ thuật hợp lý																							
(2)	Tiền thoát lũ sông Nhôm			KC năm 2012		3365/QĐ-UBND ngày 13/10/2011	268.265	268.265	19.900	19.900	56.900	66.405	66.405				66.405					66.405	UBND huyện	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Thời gian KC-HTT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trung hạn GD 2016-2020	Lấy kế vốn bỏ từ khi khởi công đến hết năm 2020	Số vốn còn thiếu đến hết năm 2020	Giai đoạn 2021 - 2025				Chủ đầu tư	Ghi chú (danh giá tiền độ thực hiện DA)		
					Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT (hoặc giá trị QĐ)				Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn 2021 - 2025		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
						Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW	Trong đó: Vốn NSTW		
						Trong đó: Vốn NSTW	Trong đó: Vốn NSTW	Trong đó: Vốn NSTW	Trong đó: Vốn NSTW	Trong đó: Vốn NSTW	Trong đó: Vốn NSTW	Trong đó: Vốn NSTW	Trong đó: Vốn NSTW	Thu hồi các khoản nợ XDCB	Thu hồi các khoản nợ XDCB		
-	Trường THCS Triệu Thành					6.000	5.000	6.000	5.000	6.000	5.000	6.000	5.000	0	0	UBND xã Triệu Thành	
-	Trường Tiểu học và THCS Bình Sơn					8.000	7.000	8.000	7.000	8.000	7.000	8.000	7.000	0	0	UBND xã Bình Sơn	
-	Trường tiểu học Thọ Tân					3.400	3.000	3.400	3.000	3.400	3.000	3.400	3.000	0	0	UBND xã Thọ Tân	
-	Trường Tiểu học và THCS Hợp Tiến					5.600	4.500	5.600	4.500	5.600	4.500	5.600	4.500	0	0	UBND xã Hợp Tiến	
-	Trường THCS Thọ Bình					2.800	2.500	2.800	2.500	2.800	2.500	2.800	2.500	0	0	UBND xã Thọ Bình	
-	Trường mầm non Thọ Tân					5.000	4.000	5.000	4.000	5.000	4.000	5.000	4.000	0	0	UBND xã Thọ Tân	

